

Số: 25/2026/QĐST-DS

Vĩnh Long, ngày 06 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 127/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn B, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp PT, xã LH, huyện LH (nay là xã PQ), tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà Lưu Thị Mai P, sinh năm 1987; địa chỉ: Khóm H, Phường B, thành phố V (nay là phường PH), tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị Nhựt T của Văn phòng luật sư TC thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ: ấp HQ, xã TĐ, huyện LH (nay là phường TĐ), tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp TT, xã TH, huyện TÔ (nay là xã HB), tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L: Ông Đinh Đức T, sinh năm 1994; địa chỉ: đường MB-C, Phường N, thành phố V (nay là phường TĐ), tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L (theo giấy ủy quyền ngày 08/7/2025).

2. Bà Cù Thị Ở, sinh ngày 01/01/1966; địa chỉ: Ấp TT, xã TH, huyện TÔ (nay là xã HB), tỉnh Vĩnh Long.

3. Ông Hứa Trần P, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp PN, xã SP, huyện TB (nay là xã SP), tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hứa Trần P: Ông Lê Văn V, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp LT B, xã LP, huyện LH (nay là xã LH), tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của ông Hứa Trần Pg (theo giấy ủy quyền ngày 02/6/2025).

4. Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp PN, xã SP, huyện TB (nay là xã SP), tỉnh Vĩnh Long.

5. Ông Hàng Thiện H, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp PL A, xã PH, huyện LH (nay là phường PH), tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Lê Thị Minh C, sinh năm 1999; địa chỉ: địa chỉ: Khóm B, Phường B, thành phố V (nay là phường PH), tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hàng Thiện H và bà Lê Thị Minh C: Bà Nguyễn Thị Thảo L, sinh năm 1972; địa chỉ: NCT, Phường N, thành phố V (nay là phường TĐ), tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của ông Hàng Thiện H và bà Lê Thị Minh C (theo giấy ủy quyền ngày 29/01/2026).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung:

Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 27/7/2020 đối với thửa đất số 7; tờ bản đồ số 21; diện tích 3.074,2m²; mục đích sử dụng: Đất ở 300,0m², đất trồng cây lâu năm 2.774,2m²; địa chỉ thửa đất: Ấp TT, xã TH, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long được ký kết giữa bên chuyển nhượng: Ông Nguyễn Văn L, bà Cù Thị Ở và bên nhận chuyển nhượng: Ông Hứa Trần P được chứng nhận tại Phòng Công chứng số H tỉnh Vĩnh Long ngày 27/7/2020 số công chứng 2958 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD.

Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/9/2024 đối với thửa đất số 7; tờ bản đồ số 21; diện tích 3.074,2m²; mục đích sử dụng: Đất ở 300,0m², đất trồng cây lâu năm 2.774,2m²; địa chỉ thửa đất: Ấp TT, xã TH, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long được ký kết giữa bên chuyển nhượng: Ông Hứa Trần P, bà Nguyễn Thị Kiều T và bên nhận chuyển nhượng: Ông Võ Văn B được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng LPV ngày 05/9/2024 số công chứng 1649 quyền số 02/2024 TP/CC-SCC/HĐGD.

Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/11/2024 đối với thửa đất số 7; tờ bản đồ số 21; diện tích 3.074,2m²; mục đích sử dụng: Đất ở 300,0m², đất trồng cây lâu năm 2.774,2m²; địa chỉ thửa đất: Ấp TT, xã TH, huyện TÔ, tỉnh Vĩnh Long được ký kết giữa bên chuyển nhượng: Ông Võ Văn B (người đại diện bà Lưu Thị Mai P theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23/9/2024 giữa ông Võ Văn B và bà Lưu Thị Mai P được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng NTND ngày 23/9/2024 số công chứng 7310 quyền số 09/2024 TP/CC-SCC/HĐGD) và bên nhận chuyển nhượng: Ông Hàng Thiện H được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng NTND ngày 26/11/2024 số công chứng 9140 quyền số 11/2024 TP/CC-SCC/HĐGD.

Vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 23/9/2024 giữa bên ủy quyền: Ông Võ Văn Ba và bên được ủy quyền: Bà Lưu Thị Mai P được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng NTND ngày 23/9/2024 số công chứng 7310 quyền số 09/2024 TP/CC-SCC/HĐGD.

Vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 13/01/2025 giữa bên ủy quyền: Ông Hàng Thiện H, bà Lê Thị Minh C và bên nhận ủy quyền: Bà Lưu Thị Mai P được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng TTT ngày 13/01/2025 số công chứng 00522 quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD.

Ông Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Phần nhà - đất hiện do ông Nguyễn Văn L đang quản lý, sử dụng có vị trí và tứ cận như Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 24/9/2025 của Văn phòng Đăng ký Đất đai (đính kèm).

Ông Nguyễn Văn L và bà Cù Thị Ổ có nghĩa vụ trả cho ông Hứa Trần P số tiền vốn vay là 220.000.000 đồng và tiền lãi là 164.927.500 đồng, tổng vốn và lãi là 384.927.500 đồng.

Ông Võ Văn B có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị Mai P số tiền vốn vay là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 18.419.000 đồng, tổng vốn và lãi là 168.419.000 đồng.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về chi phí khảo sát đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ:

Chi phí khảo sát đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/8/2025 là 3.674.000 đồng, ông L tự nguyện chịu; nhưng được trừ vào số tiền do ông L nộp tạm ứng 10.000.000 đồng theo Phiếu thu số 02 ngày 08/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long, số tiền còn lại 6.326.000 đồng Tòa án đã trả lại cho ông L theo biên bản hoàn trả tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 10/10/2025; ông L đã nộp đủ.

2.3. Về án phí:

Ông Võ Văn B tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.360.500 đồng (trong đó: vô hiệu hợp đồng ngày 23/9/2024, án phí là 150.000 đồng; và nghĩa vụ trả cho bà P 168.419.000 đồng, án phí là 4.210.500 đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.366.000 đồng theo biên lai số 0007849 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Vĩnh Long); ông B còn phải nộp 1.994.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lưu Thị Mai P tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (vô hiệu hợp đồng ngày 26/11/2024 và vô hiệu hợp đồng ngày 13/01/2025), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.623.750 đồng theo biên lai số 0008014 ngày 28/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Vĩnh Long); bà P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 4.323.500 đồng.

Ông Hứa Trần P tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (vô hiệu hợp đồng ngày 05/9/2024) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.642.000 đồng theo biên lai số 0008125 ngày 30/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Vĩnh Long); ông P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 10.492.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn L và bà Cù Thị Ở tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.887.000 đồng (trong đó: vô hiệu hợp đồng ngày 27/9/2024, án phí là 75.000 đồng; và nghĩa vụ trả cho ông P 384.927.500 đồng, án phí là 4.812.000 đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Vĩnh Long;
- Tòa án tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1 - Vĩnh Long;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực 6;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Hồng Quan